

TÀI CHÍNH — GIAO THÔNG VẬN TẢI
THÔNG TƯ liên bộ số 30-TT/LB
 ngày 10-8-1984 hướng dẫn việc
 bán và thanh toán vé tháng
 cước qua phà, cầu phao cho cán
 bộ, công nhân viên chức Nhà
 nước, xã viên hợp tác xã đi làm
 việc hàng ngày qua bến phà,
 cầu phao.

Căn cứ quyết định số 159-HĐBT ngày
 14-9-1982 của Hội đồng Bộ trưởng điều
 chỉnh mức thu cước qua phà, cầu phao,
 liên Bộ Giao thông vận tải — Tài chính đã
 có thông tư số 2699-TT/LB ngày 3-11-1982
 hướng dẫn thi hành quyết định này của
 Hội đồng Bộ trưởng. Qua việc theo dõi
 thực hiện, liên Bộ thấy còn có những sơ
 hở trong việc tổ chức bán và thanh toán
 vé tháng, chưa thúc đẩy hạch toán kinh
 tế ở các đơn vị cơ sở.

Để giảm bớt những khó khăn về vốn,
 tạo điều kiện cho các xí nghiệp quản lý
 bến phà, cầu phao phục vụ tốt hơn việc đi
 lại của nhân dân, cán bộ, công nhân viên
 Nhà nước, xã viên hợp tác xã, tăng cường
 hạch toán kinh tế ở các đơn vị cơ sở, liên
 Bộ Tài chính — Giao thông vận tải hướng
 dẫn việc bán và thanh toán vé tháng cước
 qua phà, cầu phao như sau :

**1. Đối tượng mua vé tháng cước
 qua phà, cầu phao** là cán bộ, công nhân,
 viên chức trong biên chế Nhà nước, xã
 viên các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác
 xã thủ công nghiệp, hợp tác xã vận tải
 hàng ngày đi làm việc phải qua bến phà,
 cầu phao.

2. Thủ tục mua vé tháng :

a) Các đối tượng được mua vé tháng theo
 quy định tại điểm 1 của thông tư này, nếu
 cần mua vé tháng phải đăng ký với cơ
 quan, xí nghiệp, hợp tác xã nơi mình
 công tác, làm việc.

b) Thủ trưởng cơ quan, xí nghiệp, hợp
 tác xã căn cứ vào dự toán được duyệt cho
 khoản chi này và nhu cầu thực tế làm việc
 hàng ngày phải qua phà, cầu phao của từng
 cán bộ, công nhân viên chức, xã viên đã
 đăng ký đề xét duyệt và lập danh sách
 những người được mua vé tháng của đơn
 vị, kèm theo giấy giới thiệu mua vé tháng,
 cử người đến cơ quan quản lý bến phà,
 cầu phao mua vé về phân phối cho cán bộ,
 công nhân, viên chức, xã viên theo đúng
 danh sách đã lập.

3. Giá vé và thẻ thức thanh toán tiền mua vé tháng :

a) Giá vé tháng tính theo giá cước hiện
 hành đối với hành khách đi bộ qua bến
 phà, cầu phao do Hội đồng Bộ trưởng và
 Bộ Giao thông vận tải đã quy định, theo
 cách tính dưới đây :

$$G = C \times N \times 26$$

Trong đó : G = Giá vé tháng (đ/tháng)

C = Giá cước một lượt hành
 khách đi bộ qua bến phà, cầu
 phao (đ/lượt người)

N = Số lượt đi làm qua phà, cầu
 phao trong 1 ngày của một
 hành khách.

26 = Số ngày đi làm qua phà, cầu
 phao trong một tháng của
 một hành khách (ngày)

— Đối với bến phà, cầu phao dưới
 200mét, giá cước một lượt hành khách đi
 bộ qua phà, cầu phao là 0,50đồng, số lượt
 đi qua phà, cầu phao trong một ngày là
 2 lần (sáng và chiều).

Giá tiền một vé tháng $G = 0,5đ \times 2 \times$
 $26 = 26đ/1$ vé tháng.

— Bến phà, cầu phao trên 200 mét giá
 tiền một vé tháng

$$G = 1,00đ \times 2 \times 26 = 52đ/1 \text{ vé tháng.}$$

— Bến phà, cầu phao trên 500 mét giá
 tiền một vé tháng

$$G = 1,50đ \times 2 \times 26 = 78đ/1 \text{ vé tháng.}$$

b) Các cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã có người mua vé tháng phải thanh toán số tiền chi về mua vé tháng với đơn vị quản lý bến phà, cầu phao theo số lượng vé thực tế mua trong tháng và giá vé tháng như quy định ở điểm 3a của thông tư này.

— Cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước, xã viên hợp tác xã mua vé tháng phải nộp cho cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã tiền mua vé tháng theo đúng quyết định số 159-HĐBT ngày 14-9-1982 của Hội đồng Bộ trưởng (đối với cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước nộp 2đ/1 tháng hoặc 6đ/1 quý; xã viên hợp tác xã nộp 4đ/1 tháng hoặc 12đ/1 quý).

— Khoản chênh lệch phát sinh giữa số tiền vé tháng trả cho đơn vị quản lý bến phà, cầu phao và số tiền thu được của người mua vé tháng được hạch toán vào khoản mục quản lý phí trong giá thành hoặc phí lưu thông (đối với đơn vị hạch toán kinh tế), hoặc chỉ trong dự toán được duyệt (đối với cơ quan hành chính sự nghiệp).

— Riêng đối với các hợp tác xã nông nghiệp ở hai bên đầu bến phà, cầu phao, có đối tượng mua vé tháng cước qua phà, cầu phao như quy định ở điểm 1 của thông tư này, nếu có khó khăn về mặt tài chính, được xét giảm mức thu vé tháng qua phà, cầu phao, nhưng tối đa không được giảm quá 50% giá vé quy định. Trong trường hợp này, hợp tác xã phải có văn bản đề nghị, có xác nhận của Ủy ban nhân dân từ cấp phường (xã) trở lên, gửi tới cơ quan cấp trên của đơn vị quản lý bến phà, cầu phao xét và giải quyết.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1-9-1984. Các quy định trước đây trái với thông tư này đều bãi bỏ.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 1984

K.T. Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải
Thư trưởng
LÊ KHÁ

K.T. Bộ trưởng
Bộ Tài chính
Thư trưởng
HỒ TẾ

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 26-TC/NSDP ngày 29-6-1984 hướng dẫn thi hành nghị quyết số 138-HĐBT ngày 19-11-1983 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến chế độ phân cấp quản lý ngân sách đối với cấp huyện.

Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành nghị quyết số 138-HĐBT ngày 19-11-1983 về cải tiến chế độ phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương; trong đó phần V của nghị quyết Hội đồng Bộ trưởng đã nêu lên những quy định về việc cải tiến xây dựng và quản lý ngân sách huyện nhằm làm cho huyện (và đơn vị hành chính tương đương) thật sự trở thành một cấp quản lý ngân sách.

Bộ Tài chính hướng dẫn những điểm cụ thể về cải tiến chế độ phân cấp quản lý ngân sách đối với cấp huyện và đơn vị hành chính tương đương (dưới đây gọi tắt là huyện).

I. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CỦA NGÂN SÁCH HUYỆN

Ngân sách huyện là kế hoạch tài chính cơ bản của huyện để xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở huyện.

Ngân sách huyện là một bộ phận cấu thành của ngân sách tỉnh. Ngân sách huyện bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách các xã trong huyện. Ngân sách xã là bộ phận cấu thành của ngân sách huyện. Toàn bộ ngân sách địa phương (cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã) là một bộ phận cấu thành của Ngân sách Nhà nước.

Vì vậy, yêu cầu cải tiến chế độ phân cấp quản lý ngân sách đối với cấp huyện cũng như cấp tỉnh theo nghị quyết số 138-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng lần này, phải nhằm: